

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **977/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 20/6/2019
V/v Tranh chấp ly hôn,

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng T.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Cẩm V;
- Bà Nguyễn Thị Bích T.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai T - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận Bình T, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Bình T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2037/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 31C, tổ 56, khu vực 11, phường Hưng P, quận C, thành phố C.

Bị đơn: Ông **Phạm Lý B**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: 280/29/21 Bùi Hữu N, Phường 2, Quận Bình T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Lý B là vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2015 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, Thành phố C. Ông bà có một con chung tên Phạm Lý Thiên A, sinh ngày 13/01/2015. Ngày 16/10/2018, bà Nguyễn Thị Ngọc L nộp đơn xin ly hôn ông Phạm Lý B với lý do hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, tình cảm đã hết. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án ghi nhận những vấn đề sau:

Nguyên đơn trình bày tại Bản tự khai ngày 19/3/2019, 23/4/2019 và các Biên bản hòa giải như sau: Năm 2013, nguyên đơn và bị đơn quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu, cả hai tiến đến hôn nhân. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do từ khi sinh con, bà không đi làm được, bị đơn phải chịu áp lực về kinh tế nên cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, một mình bà phải đi vay mượn, nhờ vả gia đình bên ngoại và bạn bè, gánh vác toàn bộ kinh tế trong gia đình. Đầu năm 2017, bị đơn bỏ đi không rõ, nguyên đơn trở về C sinh sống cho đến nay. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình nên Tòa án không thể ghi nhận và tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình T, Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn, giải quyết các vấn đề về con chung với bị đơn nên quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo trả lời xác minh ngày của Công an Phường 2, Quận Bình T, ông Phạm Lý B có hộ khẩu thường trú tại 280/29/21 Bùi Hữu N, Phường 2, Quận Bình T; đương sự không thực tế cư trú tại địa phương từ năm 2013 đến nay, không rõ đi đâu. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại 280/29/21 Bùi Hữu N, Phường 2, Quận Bình T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Bình T.

Xét xử trong trường hợp vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Phạm Lý B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ vào Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của các đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được ghi nhận trong

Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/3/2019 và 23/4/2019.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Quan hệ vợ chồng: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63/HT, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường H, quận C, Thành phố C cấp ngày 22/5/2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Lý B, đã có đủ căn cứ xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét, hôn nhân của nguyên đơn, bị đơn tồn tại trong một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Theo nguyên đơn trình bày thì nguyên nhân do điều kiện kinh tế, cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2017, bị đơn bỏ đi không rõ tung tích và gia đình đã tích cực tìm kiếm nhưng vẫn không có thông tin. Về phía bị đơn, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập, thông báo, quyết định nhưng vẫn vắng mặt. Điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hoà giải, hàn gắn, đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù địa phương chưa nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn nào giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng cuộc sống gia đình nhất thiết phải có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nguyên đơn, bị đơn không thực hiện đúng và đủ trách nhiệm. Hiện nay, các đương sự mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu mà Tòa án thu thập được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Con chung: Có 01 con chung là Phạm Lý Thiên A, sinh ngày 13/01/2015. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

Theo vào giấy khai sinh số 114/HT Quyển số I/2015 do UBND phường H, quận C cấp cho trẻ Phạm Lý Thiên A, Hội đồng xét xử nhận thấy trẻ được sinh vào ngày 13/01/2015, có cha tên Phạm Lý B, mẹ tên Nguyễn Thị Ngọc L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận nên có đủ cơ sở xác định trẻ A là con chung của nguyên đơn và bị đơn. Thời gian chung sống, bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người cha để chăm sóc, nuôi nấng, dạy dỗ con cái. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án, không có văn bản gửi cho Tòa án về việc nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, trẻ A đang sống chung với nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với điều kiện thực tế và quyền lợi của trẻ. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có văn bản gửi cho Tòa án yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình T chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn, nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 63, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85, 88 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Lý B ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 63/HT, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường H, quận C, Thành phố C cấp ngày 22/5/2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Lý B hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Lý Thiên A, sinh ngày 13/01/2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc L không yêu cầu ông Phạm Lý B cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Lý B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con.

3. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí là 300,000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300,000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0005691 ngày 26/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Bình T. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phạm Lý B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND P.Hưng P, quận C, Tp. C;
- TAND TP. H;
- VKSND Q. Bình T;
- CCTHADS Q. Bình T;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng T